

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2021/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức dự toán xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (Lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 136/TTr-SXD ngày 24 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành kèm theo Quyết định này định mức dự toán xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (Lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột (có Định mức chi tiết kèm theo).

Định mức dự toán ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để lập dự toán, xác định giá dịch vụ xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với chủ đầu tư dự án nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 3. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan; theo dõi việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan để tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/10/2021.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

**XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT THEO CÔNG NGHỆ SINH HỌC MBBR
(LAGOONGUARD) KẾT HỢP LỌC ĐĨA (BỂ LẮNG) VÀ KHỬ TRÙNG BẰNG
TIA UV TẠI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 08/10/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

ĐẮK LẮK, 2021

PHẦN I
THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT THEO CÔNG NGHỆ SINH HỌC MBBR
(LAGOONGUARD) KẾT HỢP LỌC ĐĨA (BỂ LẮNG) VÀ KHỬ TRÙNG BẰNG
TIA UV TẠI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

1. Nội dung định mức xử lý nước thải.

- Định mức dự toán Xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột bao gồm:

+ Mức hao phí vật tư:

Là số lượng vật tư, hóa chất (không kể vật tư cần dùng cho máy, thiết bị và vật liệu tính trong chi phí chung) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác xử lý nước thải sinh hoạt từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc.

Cấp bậc nhân công trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác xử lý nước thải sinh hoạt.

- Định mức được trình bày tóm tắt thành phần công việc, yêu cầu kỹ thuật và được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác xử lý nước thải sinh hoạt trên tại nhà máy xử lý nước thải Buôn Ma Thuột.

- Phạm vi thành phần công việc của công tác xử lý nước thải được định mức bao gồm các công việc liên quan đến quá trình vận hành, duy trì hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo việc xử lý nước thải đáp ứng được nhu cầu cũng như chất lượng theo tiêu chuẩn.

2. Các căn cứ xác lập định mức

- Quy trình kỹ thuật thực hiện các công việc liên quan cần thiết đến quá trình xử lý nước thải.

- Số liệu về tình hình sử dụng vật tư, lao động, trang thiết bị xe máy, kỹ thuật cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác xử lý nước thải.

- Nguyên lý điều khiển và hướng dẫn vận hành nhà máy xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- Báo cáo thử nghiệm hoàn thành nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.

- Hướng dẫn vận hành phần mềm SCADA - nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.

- Căn cứ Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Phiếu khảo sát, ghi chép số liệu hiện trường về các hao phí vật liệu.
- Quy trình kỹ thuật, công nghệ thi công, nguyên lý điều khiển và hướng dẫn vận hành được áp dụng tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.
- Báo cáo thử nghiệm hoàn thành, các tài liệu có liên quan.

3. Kết cấu của tập định mức

Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác.

Định mức dự toán xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột có kết cấu gồm 2 phần:

- + Phần I: Thuyết minh định mức.
- + Phần II: Bảng định mức.

4. Hướng dẫn áp dụng định mức

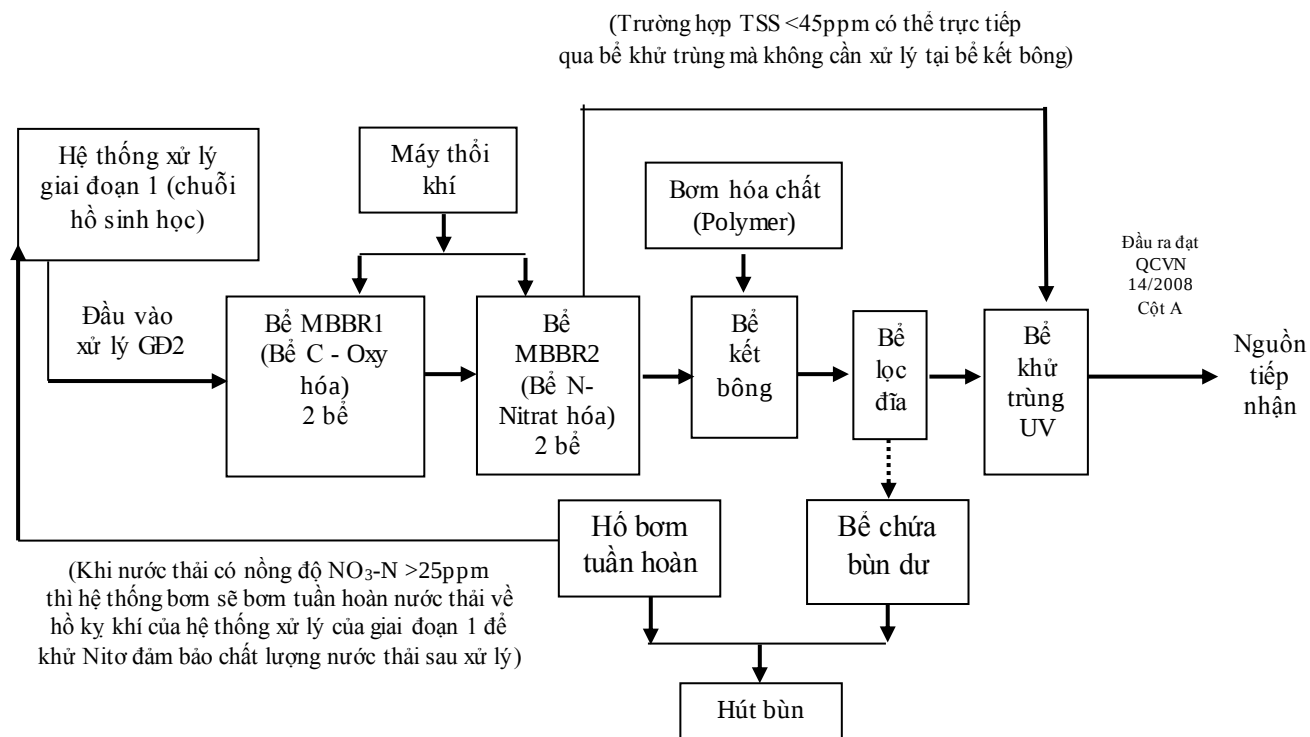
Định mức dự toán xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột là cơ sở để lập dự toán, xác định giá dịch vụ xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.

Trường hợp công tác xử lý nước thải và quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải của địa phương có sự thay đổi đặc thù riêng theo thời gian như: thực trạng địa lý, công suất vận hành, công nghệ xử lý có sự điều chỉnh hoặc thay đổi, khiến cho việc áp dụng, vận dụng định mức này không còn phù hợp thì báo cáo về Sở Xây dựng điều chỉnh, bổ sung định mức hoặc xây dựng mới. Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh văn bản thỏa thuận với Bộ Xây dựng về các định mức điều chỉnh hoặc xây dựng mới theo quy định trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho phù hợp với thực tế sử dụng.

Sở Xây dựng thực hiện rà soát định mức này định kỳ 3 năm/lần theo đúng quy định kể từ ngày định mức này có hiệu lực.

PHẦN II ĐỊNH MỨC

XLNT.BMT.01 Xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (Lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột.



Thành phần công việc:

- Vệ sinh lưới chắn rác đầu vào;
- Vệ sinh bể MBBR;
- Duy trì hệ thống lọc đĩa;
- Duy trì hệ thống điện;
- Vận hành hệ thống polymer;
- Duy trì hệ thống quan trắc tự động;
- Vệ sinh thiết bị đo;
- Duy trì nhà máy thổi khí;
- Duy trì hệ thống UV;
- Trực vận hành SCADA và bể MBBR.

**(Chi tiết thành phần công việc được quy định tại phụ lục đính kèm)*

Đơn vị tính: 100 m³

Mã hiệu	Tên công tác	Loại hao phí	Đơn vị tính	Định mức
XLNT.BMT.01	Xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ sinh học MBBR (Lagoonguard) kết hợp lọc đĩa (bể lắng) và khử trùng bằng tia UV tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột	Vật liệu		
		Nước sạch	m ³	0,113
		Polymer anion	kg	0,2
		Nhân công		
		Nhân công kỹ thuật bậc bình quân 3,5/7	công	0,092

Ghi chú: Định mức này được xác định với chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn được ghi tại cột A Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Phụ lục: Thành phần công việc chi tiết.*1. Vệ sinh lưới chắn rác đầu vào:**

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hố van) đầu vào;

- Dùng vớt vớt hết rác nổi trong hầm bơm;

- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và hầm bơm phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.

Thực hiện công việc thường xuyên hằng ngày.

2. Vệ sinh bể MBBR:

- Vệ sinh thành bể, ngăn tràn.

Thực hiện công việc thường xuyên khoảng 1 lần/tuần.

3. Duy trì hệ thống lọc đĩa:

- Kiểm tra hoạt động hệ thống, vệ sinh téc phun, đĩa lọc;

Thực hiện công việc thường xuyên khoảng 1 lần/tuần.

4. Duy trì hệ thống điện:

- Kiểm tra thông số hệ thống, các tủ nguồn, tủ biến tần (inverter), tủ PLC (hệ thống điều khiển tự động);

- Vệ sinh hệ thống các tủ điện thường xuyên tránh bám bụi và côn trùng;

- Thường xuyên kiểm tra vị trí tiếp xúc, vệ sinh nếu cần thiết, chú ý đảm bảo an toàn điện và vận hành hệ thống.

Thực hiện công việc thường xuyên khoảng 1 lần/tuần.

5. Vận hành hệ thống polymer:

- Châm polymer vào hệ thống;

- Cài đặt thông số định lượng polymer phù hợp yêu cầu xử lý nước thải;

- Kiểm tra hoạt động hệ thống, vệ sinh hệ thống định kỳ.

Thực hiện công việc thường xuyên hằng ngày.

6. Duy trì hệ thống quan trắc tự động (hệ thống giám sát môi trường):

- Vệ sinh bồn chứa lấy mẫu;

- Bảo trì bơm hút lấy mẫu;

- Vệ sinh sensor pH;

- Vệ sinh sensor TSS.

Thực hiện công việc thường xuyên khoảng 4 lần/tuần.

7. Vệ sinh thiết bị đo:

- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh phao đo mức;

- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đo mức kiểu điện dung;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đo mức dạng sóng siêu âm;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đồng hồ đo mức dạng thủy tĩnh;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ lưu lượng kế kiểu điện từ;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đo lưu lượng khí kiểu nhiệt;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đo nồng độ oxy hòa tan;
- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh bộ đo $\text{NH}_4\text{-N}/\text{NO}_3\text{-N}$.

Thực hiện định kỳ thường xuyên khoảng 1 tuần/lần. Không bao gồm các thiết bị đo thuộc hệ thống quan trắc tự động (hệ thống giám sát xả thải).

8. Duy trì nhà máy thổi khí:

- Định kỳ kiểm tra, vệ sinh các máy thổi khí, kiểm tra áp suất đường ống, dầu máy, bộ lọc;
- Vệ sinh nhà máy thổi khí.

Thực hiện công việc thường xuyên khoảng 1 lần/tuần.

9. Duy trì hệ thống UV:

- Kiểm tra hoạt động của đèn UV, vệ sinh đèn UV thường xuyên khoảng 3 ngày/lần.

10. Trục vận hành SCADA và bể MBBR:

Đối với hệ thống SCADA:

- Kiểm tra hệ thống SCADA;
- Theo dõi, điều khiển hệ thống SCADA;
- Lên phương án, bố trí vận hành hệ thống bằng tay khi có sự cố, lỗi hệ thống;
- Theo dõi các thông số chất lượng nước, sẵn sàng xử lý các sự cố.

Đối với hệ thống bể MBBR:

- Vớt rác, bèo trên ngăn tràn đầu vào;
- Kiểm tra thường xuyên đường ống dẫn khí, van khí, áp suất để có kế hoạch chạy máy nén phù hợp;
- Thường xuyên theo dõi, điều chỉnh hệ thống đẩy khí phân bố giá thể vi sinh đều khắp lòng hồ, tránh tồn đọng gây chết vi sinh, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải ở mức cao nhất;
- Thường xuyên kiểm tra thông số nồng độ oxy hòa tan DO, chỉ số TSS, pH tại các bể MBBR để có phương án vận hành thích hợp;
- Sẵn sàng xử lý các sự cố.